TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - T- do - Hạnh phúc**

Bản án: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18 / 4 / 2019
V/v : "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình- xin ly hôn*"

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Tám
- *Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hùynh Hòang Nam
2. Bà D- Mỹ Linh

- *Th- ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung-Th- ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.
- *Đại diện-Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng:* Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đ- a ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2019/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình-xin ly hôn*" theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 4 năm 2019 giữa các đ- ơng sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Võ Hòang N, sinh năm: 1979 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện V, tỉnh H

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm: 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Số 3, khu phố 7, thị trấn G, huyện G, tỉnh K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 11 năm 2018 về việc xin ly hôn và các lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, anh Võ Hoàng N nh- sau: Anh và chị P quen biết và c- ới nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn G, huyện G, tỉnh

K. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã ly thân khoảng 6 năm nay. Nay chị P đã có gia đình riêng nên anh quyết định ly hôn, về con cái không có, về tài sản và nợ không có. Nay anh N yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, còn con cái, tài sản và nợ không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 09 tháng 12 năm 2018 của bị đơn chị Nguyễn Thị P nh- sau: Chị với anh N c- ới nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn G, huyện G, tỉnh K. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã ly thân đến nay. Nay anh N đã có gia đình riêng nên chị cũng đồng ý ly hôn. Về con chung không có; Về tài sản và nợ chung không có. Nay chị đồng ý ly hôn với anh N, còn về con cái, tài sản và nợ khôngcó, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 08 tháng 3 năm 2019, Tòa án tiến hành mở phiên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nh- ng phía bị đơn chị P vắng mặt. Tòa án đã tiến hành thực hiện các b- ớc nh- cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và đ- ợc bà Huỳnh Thị L là mẹ ruột của chị P ký nhận vào các văn bản tố tụng và cam kết giao lại tận tay cho chị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa anh N với chị P là hôn nhân và gia đình-xin ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa hôm nay, anh Nvà chị P đều giữ nguyên yêu cầu là đ- ợc ly hôn.

[2.2] Xét về quan hệ hôn nhân: Giữa anh N và chị P là tự nguyện đến với nhau, có tổ chức lễ c- ới theo tập quán địa ph- ơng và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình nên đ- ợc xem đây là hôn nhân hợp pháp, chấp nhận để xem xét giải quyết.

[2.3] Theo lời trình bày của anh Nvà chị P thì sau khi về chung sống đ- ợc một thời gian đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã ly thân đến nay. Nay giữa anh

Nvà chị P đều đã có gia đình riêng nên cả hai đồng ý ly hôn. Thấy rằng, đây là sự tự nguyện ly hôn của cả hai bên phù hợp theo Điều 55 của luật Hôn nhân và gia đình, nghĩ nên chấp nhận cho anh N và chị đ- ợc ly hôn.

[2.4] Về phần con cái: Không có, miễn xét.

[2.5] Về phần tài sản và nợ: Không có, miễn xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: □p dụng khoản 4 □iều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- □n phí ly hôn anh Nphải nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nh- ng đ- ợc khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007400, ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- □p dụng vào khoản 1 Điều 28, điểm a khỏan 1 Điều 35, khoản 4 □iều 147, của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận cho anh Võ Hoàng N và chị Nguyễn Thị P đ- ợc ly hôn.

2. Về con chung: Miễn xét.

3. Về tài sản và nợ: Miễn xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: □n phí ly hôn anh N phải nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nh- ng đ- ợc khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007400, ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho anh N, chị P biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 18 tháng 4 năm 2019.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Văn Tám

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- VKSND tỉnh, huyện G;
- Chi cục thi hành án G;
- UBND xã, thị trấn;
- Phòng T- pháp G:
- Đương sự;
- L- u hồ sơ.